



PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU
Pounce 50EC

SDS # : 1849-A
Ngày sửa đổi: 2018-05-23
Format: AP
Phiên bản 3

Mục 1: LAI LỊCH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên Sản Phẩm	Pounce 50EC
(Các) Mã Sản Phẩm	1849-A
Từ đồng nghĩa	PERMETHRIN (FMC 33297): 3-phenoxybenzyl (1RS,3RS;1RS,3SR)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate or 3-phenoxybenzyl (1RS)-cis-trans-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (IUPAC name); (3-phenoxyphenyl)methyl 3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (CAS name)
Active Ingredient(s)	Permethrin
Họ Hóa Chất	Pyrethroid Pesticide
Mục Đích Sử Dụng Được Đề Nghị	Thuốc trừ sâu.
Hạn chế sử dụng	Sử dụng theo khuyến cáo của nhãn.
Nhà sản xuất	Đơn Vị Nhập Khẩu FMC Corporation Agricultural Solutions 2929 Walnut Street Philadelphia, PA 19104 General Information: Phone: (215) 299-6000 E-Mail: msdsinfo@fmc.com FMC VIETNAM COMPANY LIMITED No. 12 lot B, Thong Nhat Road Song Than 2 Industrial Zone Di An Ward, Di An Town Binh Duong Province Vietnam Phone: (+84) 0274 3790503 Fax: (+84) 0274 3790501

Số điện thoại khẩn cấp

Medical Emergencies:
1 800 / 331-3148 (ProPharma Group - U.S.A. & Canada)
1 651 / 632-6793 (ProPharma Group - All Other Countries - Collect)

For leak, fire, spill or accident emergencies, call:
1 800 / 424-9300 (CHEMTREC - U.S.A.)
1 703 / 741-5970 (CHEMTREC - International)
1 703 / 527-3887 (CHEMTREC - Alternate)

Mục 2: NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

GHS - Phân loại

Độc tính hô hấp qua miệng	Cấp 1
Độc tính cấp tính - Qua miệng	Cấp 4
Độc tính cấp tính - Qua Hô Hấp (Bụi/Sương)	Cấp 4
Khả năng gây ung thư	Cấp 2
STOT - tiếp xúc một lần	Cấp 2
Độc tính đối với cơ quan mục tiêu cụ thể (tiếp xúc lặp lại)	Cấp 2
Độc tính cấp tính đối với môi trường nước	Cấp 1

Độc tính lâu dài cho môi trường nước	Cấp 1
--------------------------------------	-------

Chất lỏng dễ cháy	Cấp 4
-------------------	-------

Các Thành Phần Của Nhãn**Từ Cảnh Báo****Nguy hiểm****Cảnh Báo Nguy Cơ**

H304 - Có thể chết nếu nuốt phải hoặc hít phải
H351 - Nghi ngờ gây ung thư
H371 - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan
H373 - Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc lặp lại
H410 - Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài
H332 - Có hại nếu hít phải
H302 - Có hại nếu nuốt phải
H227 - Chất lỏng có thể cháy

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Phòng Ngừa

P202 - Không được thao tác khi chưa đọc và hiểu tất cả các biện pháp đề phòng an toàn
P281 - Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu
P264 - Rửa mặt, tay và mọi phần da bị tiếp xúc cẩn thận sau khi thao tác
P270 - Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này
P271 - Chỉ dùng ngoài trời hoặc ở nơi thông khí tốt
P272 - Quần áo làm việc bị nhiễm không được mang ra khỏi nơi làm việc
P280 - Sử dụng găng tay bảo hộ
P260 - Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt
P273 - Tránh phóng thích ra môi trường
P210 - Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng.- Không hút thuốc

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

P308 + P313 - Nếu bị phơi nhiễm hoặc có băn khoăn: Tìm kiếm sự chăm tư vấn/ chăm sóc y tế
P321 - Điều trị bằng phương pháp đặc hiệu (xem hướng dẫn thêm về sơ cứu trên nhãn này)
P304 + P340 - NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ cho họ được dễ thở
P302 + P352 - NẾU BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước và xả phòng
P333 + P313 - Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc
P363 - Giặt sạch quần áo đã bị nhiễm trước khi sử dụng lại
P301 + P310 - NẾU NUỐT PHẢI: Gọi ngay cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ
P331 - KHÔNG gây nôn
P330 - Súc miệng
Trong trường hợp cháy: Sử dụng CO2, hóa chất khô, hoặc bột chữa cháy để dập lửa
P391 - Thu gom lượng tràn đổ

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản

P405 - Bảo quản khóa chặt
P403 + P235 - Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ

P501-Vứt bỏ nội dung / thùng chứa theo hướng dẫn trên nhãn

Thông tin khác

Có thể chết người khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp

Mục 3: THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Từ đồng nghĩa PERMETHRIN (FMC 33297): 3-phenoxybenzyl
(1RS,3RS;1RS,3SR)-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate or 3-phenoxybenzyl
(1RS)-cis-trans-3-(2,2-dichlorovinyl)-2,2- dimethylcyclopropanecarboxylate (IUPAC name); (3-phenoxyphenyl)methyl
3-(2,2-dichloroethenyl)-2,2-dimethylcyclopropanecarboxylate (CAS name)

Tên hóa chất	Số CAS	Phần trăm trọng lượng
Permethrin	52645-53-1	48.16
Naphtha (petroleum), heavy aromatic	64742-94-5	40-50
Naphthalen	91-20-3	<4
1,2,4-Trimethylbenzene	95-63-6	<1

Mục 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải	Bỏ người ra ngoài không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc nếu khó chịu xảy ra và vẫn tồn tại, hãy nhận được sự chăm sóc y tế.
Tiếp Xúc Với Da	Rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nhiều nước đồng thời cởi bỏ tất cả các quần áo và giày dép bị nhiễm. Tìm y tế chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.
Tiếp Xúc Với Mắt	Rửa mắt bằng nước trong ít nhất 15 phút. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng mắt phát triển hoặc vẫn tồn tại.
Ăn phải	KHÔNG gây nôn. Đừng cho người này bất cứ giọt nước nào. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh bất cứ thứ gì. Cần điều trị ngay lập tức.
Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện	Các triệu chứng giống hen và/hoặc giống dị ứng da.
Bảo vệ người sơ cứu	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Xem Mục 8 để biết thêm chi tiết.
Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần	Sản phẩm này chứa các hydrocacbon thơm có thể tạo ra viêm phổi nặng nếu hít phải trong quá trình nôn. Điều trị bằng cách khác là kiểm soát việc loại bỏ tiếp xúc, sau đó là chăm sóc có triệu chứng và hỗ trợ.

Mục 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Tính chất cháy	Hơi dễ cháy. Sản phẩm có thể tạo thành hỗn hợp dễ cháy với không khí khi được làm nóng trên điểm chớp cháy.
Chất Chữa Cháy Phù Hợp	Bọt, Hóa chất khô hoặc CO2. Dòng nước ngọt hoặc sương mù chỉ khi cần thiết. Chứa tất cả các dòng chảy.
Chất chữa cháy không phù hợp	Không có thông tin
Hiểm Họa Đặc Biệt Phát Sinh từ Hóa Chất	Giữ sản phẩm và thùng đựng rỗng hết cách xa nhiệt và các nguồn gây cháy.
Trang bị bảo hộ và biện pháp đề phòng cho nhân viên chữa cháy	Cô lập khu vực cháy. Đánh giá upwind. Như trong bất kỳ đám cháy, thiết bị thở khép kín và thiết bị bảo vệ đầy đủ.Cô lập khu vực cháy. Không hít phải khói, hơi hoặc khí tạo ra.

Mục 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các Biện Pháp Đề Phòng Cá Nhân	Cô lập và sau khi tràn khu vực. Sử dụng trang phục bảo hộ, găng tay và kính mắt/kính che mặt thích hợp. Để bảo vệ cá nhân, xem phần 8.
Khác	Để biết thêm hướng dẫn dọn dẹp, hãy gọi Đường dây nóng khăn cấp FMC được liệt kê trong Phần 1 "Xác định sản phẩm và công ty" ở trên.
Các Biện Pháp Đề Phòng Cho Môi Trường	Giữ người và động vật cách xa và hướng gió ngược lên / rò rỉ. Giữ nguyên vật liệu ra khỏi hồ, suối, ao, và cống rãnh thoát nước.

Các Phương Pháp Ngăn Chặn	Đề đề hạn chế tràn và hấp thụ với chất hấp thụ không dễ cháy như đất sét, cát hoặc đất. Hút chân không, xẻng hoặc bơm chất thải vào một trống và nhãn nội dung để xử lý.
Các phương pháp làm sạch	Để làm sạch hoặc trung hòa khu vực tràn, dụng cụ và thiết bị, hãy rửa bằng dung dịch phù hợp của tro ăn da hoặc soda và một loại rượu thích hợp như ethanol, metanol hoặc isopropanol. Làm theo cách này bằng cách rửa bằng dung dịch nước và xả phòng mạnh. Hấp thụ, như trên, bất kỳ chất lỏng dư thừa nào và thêm vào thùng rác đã được thu gom. Vứt bỏ chất thải như được chỉ ra trong Phần 13.

Mục 7: THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Thao tác	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Tránh hít phải hơi hoặc sương. Rửa cẩn thận sau khi thao tác. Cởi và rửa quần áo nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Không thải ra môi trường. Không làm ô nhiễm nước khi xử lý nước rửa thiết bị. Thu gom toàn bộ chất thải và phế liệu từ các thiết bị vệ sinh, vv .. và thải bỏ như chất thải nguy hại. Xem phần 13 để xử lý.
Cất giữ	Giữ dụng cụ đựng ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Tránh xa ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và nguồn lửa. Giữ xa tầm tay của trẻ em. Chỉ giữ/bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu. Để xa thực phẩm, thức uống và thức ăn cho gia súc.
Vật liệu cần tránh	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.

Mục 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các Giới Hạn Tiếp Xúc

Component	Trung Quốc	Nhật Bản	Hàn Quốc	Úc	Đài Loan
Naphthalen 91-20-3 (<4)	TWA: 50 mg/m ³ STEL: 75 mg/m ³ S* C1 C3	C2B ISHL/ACL: 10 ppm	S* STEL: 15 ppm TWA: 10 ppm	STEL 15 ppm STEL 79 mg/m ³ TWA 10 ppm TWA 52 mg/m ³	STEL 15 ppm STEL 78 mg/m ³
1,2,4-Trimethylbenzene 95-63-6 (<1)		OEL: 25 ppm OEL: 120 mg/m ³			

Các biện pháp kỹ thuật	Bảo đảm thông khí đầy đủ, nhất là ở những khu vực có không gian hạn chế. Trong trường hợp có thể, điều này sẽ đạt được nếu sử dụng ống thông khí cục bộ và hút khí tốt. Thông gió cho tất cả các phương tiện vận tải trước khi dỡ hàng.
-------------------------------	---

Trang bị bảo hộ cá nhân

Bảo Vệ Đường Hô Hấp	Sản phẩm không tự động gây phiền toái khi tiếp xúc với không khí khi vận chuyển bình thường. Trong trường hợp xả vô tình vật liệu tạo ra hơi nặng hoặc sương mù, người lao động nên đặt thiết bị bảo vệ hô hấp chính thức được chấp thuận với một loại bộ lọc phổ quát bao gồm cả bộ lọc hạt.
Bảo Vệ Tay	Mang găng tay bảo hộ hóa học được làm bằng các vật liệu như nitrile hoặc cao su tổng hợp.
Biện Pháp Bảo Vệ Mắt/Mặt	Đối với bụi, giặt gụ, sương mù hoặc phun phơi, hãy mang kính bảo hộ hóa chất.
Phương Tiện Bảo Vệ Da và Cơ Thể	Giảm thiểu ô nhiễm da bằng cách làm theo các biện pháp vệ sinh công nghiệp tốt.
Các biện pháp vệ sinh	Phải có nước sạch để rửa trong trường hợp nhiễm trùng mắt hoặc da. Rửa sạch da trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc dùng thuốc hít. Vòi hoa sen sau giờ làm việc. Cởi bỏ quần áo bẩn và rửa sạch trước khi sử dụng lại. Rửa sạch tất cả quần áo làm việc riêng; không trộn với đồ giặt gia đình.

Mục 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng Thái Vật Lý	Chất lỏng
--------------------------	-----------

Ngoại quan	Trong suốt Vàng nhạt Chất lỏng
Mùi	Thơm
Màu	Trong suốt Vàng nhạt
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin
pH	Không có thông tin
Điểm chảy/điểm đông	Không có thông tin
Điểm sôi / Phạm vi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy	> 61 °C / > 142 °F cốc kín
Tốc Độ Bay Hơi	Không có thông tin
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
Giới Hạn Cháy trong Không Khí	
Giới hạn nồng độ cháy trên:	Không có thông tin
Giới hạn cháy dưới:	Không có thông tin
Áp suất hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
Khối lượng riêng	1.0
Độ tan trong nước	Nhũ hóa
(Các) độ hòa tan	Không có thông tin
Hệ số phân tách	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
Tính nhớt, động lực học	Không có thông tin
Tính nhớt, tính động	Không có thông tin
Trọng lượng phân tử	391.3 (permethrin)
Tỷ trọng	Không có thông tin
Khối Lượng Riêng Thể Xốp	8.3

Mục 10: ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không áp dụng
Độ bền	Bền với điều kiện sử dụng theo hướng dẫn
Phản ứng nguy hại	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các điều kiện cần Tránh	Nhiệt, ngọn lửa và tia lửa.
Sản phẩm không tương thích	Các chất oxy hóa mạnh, Các acid mạnh, Các kiềm mạnh.
Các Sản Phẩm Phân Hủy Nguy Hại	Cacbon monoxyt (CO), Carbon dioxide (CO ₂), Chlorine, Hydrogen chloride.

Mục 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp tính

Các số đo độc tính - Thông Tin Về Sản Phẩm

LD50 đường miệng	Công thức tương tự: 789 mg/kg (chuột)
LD50 đường da	Công thức tương tự: > 2,000 mg/kg (thỏ)
LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp	Công thức tương tự: 1.4 mg/l 4 hr (chuột)
Ăn mòn/kích ứng da	Kích thích vừa phải.
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	Kích thích vừa phải.
Nhạy	Không nhạy cảm.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng trường diễn do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Khả năng gây đột biến	Permethrin: Không độc tính trong các nghiên cứu trong phòng thí nghiệm.
-----------------------	---

Khả năng gây ung thư	Permethrin: Bằng chứng về khối u ở chuột nhưng không được xem là có liên quan đến con người. Permethrin: Bằng chứng về khối u không được coi là có liên quan đến con người.
Độc tính sinh sản	Permethrin: Không có độc tính với sinh sản.
Độc tính tăng trưởng	Permethrin: Không gây quái thai trong các nghiên cứu trên động vật.
STOT - tiếp xúc một lần STOT - tiếp xúc nhiều lần	Có thể gây tổn thương cho các cơ quan: Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới. Có thể gây tổn thương cho các cơ quan khi bị tiếp xúc trong thời gian dài hoặc nhiều lần: Xem mục tiêu được liệt kê bên dưới.
Độc tính trường diễn	Permethrin: Hiệu ứng được dự kiến sẽ tương tự như những người được nhìn thấy với độc tính cấp tính.
Tác dụng trên cơ quan mục tiêu	Permethrin: Hệ Thần Kinh Trung Ương (CNS), Hệ Thần Kinh Trung Ương.
Tác dụng trên thần kinh	Permethrin: Các dấu hiệu lâm sàng của nhiễm độc thần kinh bao gồm hoạt động của động cơ bị thay đổi và hiệu ứng FOB, không có dấu hiệu của mô bệnh học.
Triệu chứng	Liều lớn, độc tính của tiêu chảy, tiết nước bọt, run và co giật liên tục đã được báo cáo. Tiếp xúc quá mức với động vật, qua đường hô hấp, cũng đã tạo ra quá mẫn cảm.
Nguy cơ sặc phải	Có thể bị sặc vào phổi khi nuốt phải. Có thể chết người khi nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Tên hóa chất	Trung Quốc	IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)
Permethrin		Group 3
Naphthalen		Group 2B

IARC (Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế)

Nhóm 2B - Có thể Gây Ung Thư cho Người Nhóm 3 - Không thể phân loại là chất gây ung thư của nó đối với con người

Mục 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Tác động môi trường của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

Rất độc cho các thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Permethrin (52645-53-1)				
Active Ingredient(s)	Duration	Loài	Giá trị	Đơn vị
Permethrin	48 h EC50	Giáp xác	0.001	mg/l
	72 h EC50	Tảo	0.0125	mg/l
	96 h LC50	Cá	0.79	µg/l
	21 d NOEC	Giáp xác	0.039	µg/l
	96 hr NOEC (Nồng độ cao nhất không quan sát thấy tác dụng)	Tảo	0.9	µg/l
	21 d NOEC	Cá	0.3	µg/l

Độ bền vững và độ phân hủy	Permethrin: Duy trì vừa phải. Không ngay lập tức thủy phân. Không dễ dàng bị phân hủy sinh học.
Tích lũy sinh học	Permethrin: Chất này có tiềm năng sinh học.
Khả năng di chuyển	Permethrin: bất động; Không được dự kiến sẽ tiếp cận với nước ngầm.

Các Tác Dụng Có Hại Khác

Không có thông tin.

Mục 13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp tiêu hủy chất thải Xử lý thuốc trừ sâu dư thừa, xịt hỗn hợp, hoặc rửa lại là bị cấm. Nếu những chất thải này không thể xử lý bằng cách sử dụng theo hướng dẫn nhãn, liên hệ cơ quan xử lý thích hợp để được hướng dẫn. Phải mang thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, như được mô tả trong Phần 7 và 8, trong khi xử lý vật liệu để xử lý chất thải.

Bao Bì Đã Bị Nhiễm

Các thùng chứa phải được xử lý theo quy định của địa phương, tiểu bang và liên bang. Tham khảo nhãn sản phẩm để biết hướng dẫn xử lý.

Mục 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN**IMDG/IMO**

Số UN/Mã Định Danh (ID) UN3082
Tên Vận Chuyển Đường Biển Chất nguy hại tới môi trường, lỏng, n.o.s
Nhóm hiểm họa 9
Nhóm Đóng Gói III
EmS No. F-A, S-F
Chất Ô Nhiễm Biển Permethrin

ICAO/IATA

Số UN/Mã Định Danh (ID) UN3082
Tên Vận Chuyển Đường Biển Chất nguy hại tới môi trường, lỏng, n.o.s
Nhóm hiểm họa 9
Nhóm Đóng Gói III
Chất Ô Nhiễm Biển Permethrin

Mục 15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH**Các Danh Mục Quốc Tế**

Thực phẩm, phụ gia thực phẩm, ma túy, mỹ phẩm hoặc thiết bị khi sản xuất, chế biến hoặc phân phối trong thực phẩm để sử dụng, phụ gia thực phẩm, thuốc, mỹ phẩm hoặc thiết bị có thể không phải tuân thủ các yêu cầu thông báo của địa phương. Kiểm tra các quy định địa phương để biết thêm thông tin.

Tên hóa chất	Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc - TSCA (Hoa Kỳ)	Danh Mục Hóa Chất Nội Địa - DSL (Canada)	EINECS/ELINCS (Europe)	Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới - ENCS (Nhật)	Trung Quốc (IECSC)	KECL (Korea)	Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin - PICCS (Philippin)	Danh Mục Hóa Chất - AICS (Úc)
Permethrin 52645-53-1			X	X	X	X	X	X
Naphtha (petroleum), heavy aromatic 64742-94-5	X	X	X		X	X	X	X
Naphthalen 91-20-3	X	X	X	X	X	X	X	X
1,2,4-Trimethylbenzene 95-63-6	X	X	X	X	X	X	X	X

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)**DSL/NDL** - Danh Mục Hóa Chất Nội Địa/Danh Mục Hóa Chất Phi Nội Địa của Canada**EINECS/ELINCS** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Châu Âu/Danh Mục Hóa Chất Đã Được Thông Báo của Châu Âu**ENCS** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Mới của Nhật Bản**IECSC** - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành của Trung Quốc

KECL - Danh Mục Hóa Chất Hiện Hành và Hóa Chất Đã Đánh Giá của Hàn Quốc

PICCS - Danh Mục Hóa Chất và Các Chất Hóa Học của Philipin

AICS - Danh Mục Hóa Chất của Úc

Mục 16: THÔNG TIN KHÁC**Soạn Thảo Bởi**

FMC Corporation

FMC Logo - Trademark of FMC Corporation

© 2018 FMC Corporation. All Rights Reserved.

Ngày sửa đổi:

2018-05-23

Chú thích về sửa đổi

(M)SDS sections updated.

Tuyên bố miễn trách

FMC Corporation tin rằng thông tin và tư vấn chứa các ứng dụng (bao gồm cả dữ liệu và báo cáo) là chính xác kể từ ngày này. Không BẢO ĐẢM PHÙ HỢP CHO MỌI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, BẢO ĐẢM ĐẢM BẢO HOẶC BẤT K OTHER BẢO ĐẢM KHÁC, NỘI BẠT HOẶC ĐƯỢC THỰC HIỆN, ĐƯỢC THỰC HIỆN LIÊN QUAN Hơn nữa, vì các điều kiện và phương pháp sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của FMC, CUNG CẤP Ở đây. Thông tin này chỉ được đặt cho sản phẩm được chỉ định và có thể không áp dụng được khi sản phẩm đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tổng công ty, công ty FMC từ chối bất kỳ và tất cả trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ kết quả nào thu được hoặc phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào hoặc dựa vào thông tin đó.

Kết thúc Bản Thông Tin An Toàn